

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH SINH LÝ HỌC THỰC VẬT

Mã số: 62 42 01 12

HÀ NỘI, 2016

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH SINH LÝ HỌC THỰC VẬT

Mã số: 62 42 01 12

(Ban hành theo Quyết định số 316/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 20 tháng 3 năm 2016)

1. Một số thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo: Sinh lý học thực vật (Plant physiology)
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 62 42 01 12
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ Sinh lý học thực vật
 - + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Plant Physiology
- Đơn vị đào tạo: Khoa Sinh- KTNN, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Sinh lý học thực vật có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu và lãnh đạo nhóm nghiên cứu trong các lĩnh vực của chuyên ngành, có tư duy khoa học, có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề khoa học của chuyên ngành, có khả năng trình bày và giới thiệu các nội dung khoa học.

- Có khả năng tham gia đào tạo với chất lượng cao các bậc đại học và sau đại học ở các trường Đại học, Cao đẳng và tham gia nghiên cứu ở các viện khoa học.

- Có năng lực phối hợp với các nhà khoa học trong cơ quan trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

3. Chuẩn đầu ra

Khi NCS hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ Sinh lý học thực vật sẽ đạt được các năng lực cụ thể sau:

3.1. Về phẩm chất chính trị

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có năng lực pháp chế phù hợp với đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

3.2. Năng lực kiến thức

Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc lĩnh vực Sinh lý học thực vật, làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành.

3.3. Năng lực nghiên cứu độc lập và tổ chức nghiên cứu

Tri thức lý luận và kỹ năng cơ bản để phân tích bối cảnh, phát hiện vấn đề nghiên cứu;

Phương pháp và kỹ năng tiến hành nghiên cứu chủ động, độc lập có tính khoa học;

Kỹ năng giải quyết vấn đề khoa học- công nghệ theo các hướng nghiên cứu mà mình tham gia hoặc chủ trì;

Năng lực tổ chức, triển khai và chỉ đạo đề tài nghiên cứu dưới hình thức nhóm, hợp tác và phối hợp nghiên cứu của những người khác;

Kỹ năng viết bài báo khoa học, sách chuyên khảo và những sản phẩm khác để phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học- công nghệ;

Kỹ năng tổ chức, chủ trì và hợp tác tổ chức Hội nghị, Hội thảo khoa học và những hình thức trao đổi, chia sẻ thông tin, tư liệu, nguồn lực nghiên cứu khác ở qui mô từ cơ sở đến quốc gia và quốc tế.

3.4. Năng lực giảng dạy và đào tạo ở trình đại học và sau đại học

Phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, học liệu và phương tiện giảng dạy, học tập ở trình độ đại học và sau đại học thuộc chuyên ngành.

Thiết kế dạy học, tư vấn và đào tạo bằng các phương tiện truyền thống và bằng công nghệ hiện đại, bao gồm học liệu số và tài nguyên e- learning, đào tạo từ xa.

Áp dụng phương pháp luận và các chiến lược dạy học, các mô hình đào tạo hiệu quả để trực tiếp giảng dạy và tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo nói chung và hệ thống dạy học nói riêng.

Năng lực hướng dẫn, chỉ đạo khoa học đối với khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ chuyên ngành Sinh lý học thực vật và những chuyên ngành khác có liên quan lĩnh vực sinh học

3.5. Năng lực hợp tác và tư vấn khoa học- công nghệ về lĩnh vực sinh lý học thực vật

Kỹ năng nhận diện và xử lý những quan hệ hợp tác khoa học- công nghệ song phương và đa phương như liên kết, hỗ trợ, chuyển giao, trao đổi, chia sẻ tư tưởng và nguồn lực, phân công trách nhiệm và lợi ích, ...

Kỹ năng thực hiện và tổ chức thực hiện những hoạt động hợp tác khoa học trong nghiên cứu, đào tạo.

3.6. Năng lực về ngôn ngữ và công nghệ cần thiết để đảm bảo hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và giao tiếp xã hội

Năng lực ngoại ngữ để đọc hiểu và giao tiếp chuyên môn thành thạo trong nghiên cứu và giảng dạy;

Kỹ năng tin học văn phòng thành thạo và có hiệu quả cao theo yêu cầu văn bản và các nhiệm vụ khoa học, các nhiệm vụ quản lý.

Các kỹ năng ICT tối thiểu để sử dụng mạng truyền thông, công nghệ giao tiếp từ xa, E- learning, khai thác thông tin và tài nguyên internet, những sản phẩm ICT cần thiết trong công việc quản lý và nghiên cứu như đồ họa chuyên môn, báo cáo, sách điện tử, chương trình trực tuyến, học liệu số hóa, số liệu thống kê, phần mềm quản lý và xử lý số liệu; ...

4. Qui định cụ thể về sản phẩm học tập, nghiên cứu

4.1. Hoàn thành tối thiểu ở mức đạt (hoặc 5/10 điểm) tất cả 04 học phần tiến sĩ, 03 chuyên đề tiến sĩ theo qui định của chương trình đào tạo.

4.2. Phải có tối thiểu 02 bài báo khoa học công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế được Hội đồng chức danh Nhà nước công nhận.

4.3. Tiểu luận tổng quan (khoảng 3.000 - 5.000 từ) về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án trước Hội đồng chuyên ngành, có đánh giá theo các mức: xuất sắc, tốt, đạt, không đạt.

4.4. Hoàn thành ít nhất 02 báo cáo khoa học phản ánh kết quả nghiên cứu của luận án tại Hội nghị khoa học của nghiên cứu sinh được tổ chức tại cơ sở đào tạo.

4.5. Phải tham gia công tác chuyên môn ở tổ bộ môn: Tham gia đầy đủ các buổi Seminar; trợ giảng, hướng dẫn thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp đại học cho sinh viên. Phải Seminar luận án tiến sĩ trước khi đưa ra bảo vệ luận án theo quy định;

4.6. Hoàn thành yêu cầu ngoại ngữ theo khung tham chiếu Châu Âu B2 và kỹ năng ICT đủ để phục vụ nghiên cứu và giao tiếp chuyên môn.

4.7. Hoàn thành và bảo vệ thành công Luận án tiến sĩ với chất lượng được qui định trong Qui chế đào tạo tiến sĩ của Bộ giáo dục và đào tạo và qui định cụ thể về hình thức luận án của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua, được Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo.

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học và thực tiễn.

5. Chương trình đào tạo

5.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số		Tên học phần	Số tín chỉ			Ghi chú
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH	
I. Học phần tiến sĩ: 12							
<i>1.1. Học phần tiến sĩ bắt buộc</i>				6			
1	PLPH	601	Phương pháp hiện đại trong nghiên cứu sinh lý thực vật	3	2	1	Học phần tiến sĩ bắt buộc
2	PLPH	602	Công nghệ tế bào thực và ứng dụng	3	2	1	
<i>1.2. Học phần tiến sĩ tự chọn (chọn 2 trong 7 học phần dưới đây)</i>				6			
3	PLPH	611	Sinh lý ra hoa ở thực vật và ứng dụng	3	2	1	Học phần tiến sĩ tự chọn (chọn 2 trong 7 học phần)
4	PLPH	612	Sinh lý hạt và sản xuất hạt giống	3	2	1	
5	PLPH	613	Cây trồng chuyên gen	3	2	1	
6	PLPH	614	Một số kỹ thuật canh tác hiện đại	3	2	1	
7	PLPH	615	Hóa sinh thực vật và ứng dụng	3	2	1	

8	PLPH	616	Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu chuyên ngành SLTV	3	2	1	
9	PLPH	617	Tiếng Anh chuyên ngành	3	2	1	
II. Chuyên đề tiến sĩ: 6							
1	PLPH	631	Nghiên cứu bản chất Sinh lý và khả năng chống chịu với điều kiện stress môi trường của thực vật	2			
2	PLPH	632	Nghiên cứu phân bón, các chế phân bón và các chất điều hòa sinh trưởng ứng dụng trong sản xuất	2			
3	PLPH	633	Nghiên cứu đặc điểm Sinh lý của các giống cây trồng có năng suất khác nhau và ứng dụng.	2			
4	PLPH	634	Ứng dụng công nghệ <i>In vitro</i> trong sản xuất	2			
5	PLPH	635	Nghiên cứu hợp chất thứ sinh trong cơ thể thực vật và ứng dụng	2			
6	PLPH	636	Ứng dụng protein tái tổ hợp trong chẩn đoán một số bệnh ở thực vật	2			
III. Tiểu luận tổng quan: 5							
IV. Ngoại ngữ				Trình độ B2 hoặc tương đương		Điều kiện	
V. Bài báo (BB) Khoa học (ít nhất 2 bài trong nước):				8			
- Trong nước (Danh mục Trường qui định cho NCS): 4 TC/1BB.							
- Quốc tế có impact factor (IF) (<i>khuyến khích</i>): 5TC/1BB.							
- Kỳ yếu quốc tế có phản biện, có ISSN, tiếng nước ngoài chưa có IF (<i>khuyến khích</i>): 4TC/1BB.							
VI. Báo cáo (BC) hội nghị khoa học (trong nước hay/và quốc tế)				5			
<i>Trong nước (tiếng Việt):</i>							
- Đọc báo cáo: 3TC							
- Poster: 2TC							
<i>Quốc tế (tiếng nước ngoài) (khuyến khích)</i>							
- Đọc báo cáo: 4TC							
- Poster: 3TC							
VII. Seminar				5			
- Bắt buộc: Báo cáo seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước bảo vệ cơ sở (bắt buộc): 2TC/ 1BC							
- Thuyết trình (TT) seminar: 0,25TC/ 1TT							
- Tham dự (TD) báo cáo chuyên đề, seminar: 0,1TC/ 1TD							
VIII. Tham gia giảng dạy/hướng dẫn thực tập/khóa luận đại học				5			

<ul style="list-style-type: none"> - Khóa luận (KL) đại học: 2TC/KL - Dạy, hướng dẫn thực tập: Theo QC đại học 		
IX. Luận án tiến sĩ <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động nghiên cứu: 24 TC - Báo cáo kết quả nghiên cứu cho NHD và Bộ môn theo tiến độ qui định; Hoàn chỉnh luận án: 10 TC 	44	
Tổng cộng	90	